

## Phiếu An toàn Hóa chất

Trang: 1/11

BASF Phiếu An toàn Hóa chất

Ngày / Đã được hiệu chỉnh: 13.04.2025

Phiên bản: 5.0

Sản phẩm: **ULTRADUR® B 4040 G6 BLACK Q29 15075 POLYBUTYLENE TEREPHTHALATE**

(30036585/SDS\_GEN\_VN/VI)

Ngày in: 22.10.2025

### 1. Nhận dạng hóa chất và thông tin về nhà cung cấp

#### Tên sản phẩm:

**ULTRADUR® B 4040 G6 BLACK Q29 15075  
POLYBUTYLENE TEREPHTHALATE**

Sử dụng: Polymer

Sử dụng được đề xuất: Polymer, chỉ dành cho quy trình công nghiệp

#### Công ty:

Công ty TNHH BASF Việt Nam  
Tầng 23, Ngõ nhà Đức Thành phố Hồ Chí Minh,  
33 Lê Duẩn, Phường Sài Gòn,  
Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam  
Điện thoại: +84 28 3824 3833  
Số fax: +84 28 3824 3832  
Địa chỉ mail: minh-triet.thieu@basf.com

#### Thông tin khẩn cấp:

18001703 (Việt Nam)  
Số fax: +84 28 3824 3832  
International emergency number:  
Điện thoại: +49 180 2273-112

### 2. Nhận dạng đặc tính nguy hiểm của hóa chất

Phân loại về chất và hợp chất:

Sản phẩm được phân loại là hóa chất không nguy hiểm theo các tiêu chuẩn của Hệ thống hài hòa toàn cầu về Phân loại và Ghi nhãn hóa chất (GHS).

Ghi nhãn sản phẩm và cảnh báo nguy cơ:

BASF Phiếu An toàn Hóa chất

Ngày / Đã được hiệu chỉnh: 13.04.2025

Phiên bản: 5.0

Sản phẩm: **ULTRADUR® B 4040 G6 BLACK Q29 15075 POLYBUTYLENE TEREPHTHALATE**

(30036585/SDS\_GEN\_VN/VI)

Ngày in: 22.10.2025

Sản phẩm không yêu cầu nhãn cảnh báo mối nguy hiểm theo Tiêu chuẩn GHS

Những mối nguy hiểm khác mà không được phân loại:

Không có các mối nguy hiểm cụ thể, nếu xem xét các quy định/lưu ý về cất trữ và xử lý.

### 3. Thông tin về thành phần các chất

#### Bản chất của hoá chất

Trạng thái chất: hỗn hợp

Chất tiền chế dựa trên:

polybutylene terephthalate (PBT), Polyethyleneterephthalate (PET)

chất phụ gia, Những chất độn

#### Thành phần nguy hại

bis(2,2,6,6-tetramethyl-4-piperidyl)sebacate

Hàm lượng (W/W):  $\geq 0.1\%$  -  $\leq 1\%$

Số CAS: 52829-07-9

Acute Tox.: Cat. 5 (tiếp xúc miệng)

Eye Dam./Irrit.: Cat. 1

Aquatic Acute: Cat. 1

Aquatic Chronic: Cat. 2

Repr.: Cat. 2 (khả năng sinh sản)

M- nhân tố cấp tính: 1

### 4. Biện pháp sơ cứu về y tế

Khuyến cáo chung:

Tránh tiếp xúc với da, mắt và áo quần.

Nếu hít phải:

Nếu cảm thấy khó chịu sau khi hít phải bụi, di chuyển ra nơi có không khí trong lành và gọi bác sĩ.

Khi tiếp xúc với da:

Rửa kỹ bằng xà phòng và nước. Cháy gây ra bởi vật liệu nấu chảy phải được điều trị tại bệnh viện.

Khi tiếp xúc với mắt:

Trong trường hợp tiếp xúc với mắt, rửa sạch ngay lập tức với nhiều nước trong vòng ít nhất 15 phút.

Nếu càng lúc trở nên sưng tấy lên, gọi bác sĩ.

Khi nuốt phải:

Súc miệng sau đó uống khoảng 200-300 ml nước. Nếu cảm thấy khó chịu: Gọi bác sĩ.

Lưu ý cho bác sĩ:

Triệu chứng: Các triệu chứng và / hoặc các hiệu ứng khác vẫn chưa được biết đến

Những mối nguy hiểm: Không có các mối nguy hiểm trong các ứng dụng sản phẩm hoặc khi sử dụng thích hợp.

Việc xử lý: Điều trị theo các triệu chứng (khử độc, chức năng sống), không có thuốc giải độc đặc trưng.

---

BASF Phiếu An toàn Hóa chất

Ngày / Đã được hiệu chỉnh: 13.04.2025

Phiên bản: 5.0

Sản phẩm: **ULTRADUR® B 4040 G6 BLACK Q29 15075 POLYBUTYLENE TEREPHTHALATE**

(30036585/SDS\_GEN\_VN/VI)

Ngày in: 22.10.2025

---

## 5. Biện pháp xử lý khi có hỏa hoạn

Phương tiện chữa cháy phù hợp:

Phun nước, bọt, bột khô

Những phương tiện chữa cháy không phù hợp vì lý do an toàn:

Vòi phun nước

Những mối nguy hiểm cụ thể:

Ở nhiệt độ của > 290 °C có thể được phát ra: carbon monoxide, tetrahydrofuran

Trung điều kiện cháy đặc biệt, có thể có nhiều chất độc khác. Việc hình thành các sản phẩm phân hủy và oxy hóa tùy thuộc vào các điều kiện cháy.

Thiết bị bảo vệ đặc biệt:

Trang bị dụng cụ hô hấp độc lập.

Thông tin bổ sung:

Loại bỏ những mảnh vụn cháy và nước chữa cháy bị nhiễm bẩn hóa chất theo các quy định chính thức.

---

## 6. Biện pháp phòng ngừa, ứng phó khi có sự cố

Những cảnh báo cá nhân:

Không cần thiết cảnh báo đặc biệt.

Cảnh báo môi trường:

Không cần thiết cảnh báo đặc biệt.

Phương pháp lau dọn hoặc thu gom:

Cho lượng nhỏ: Thu gom bằng dụng cụ phù hợp và thải bỏ.

Cho lượng lớn: Thu gom bằng dụng cụ phù hợp và thải bỏ.

Cho phần còn lại: Dọn sạch/ xúc sạch.

Xử lý vật liệu hấp thụ theo các quy định.

Thông tin bổ sung: Rủi ro trượt ngã cao do rò rỉ/tràn đổ sản phẩm.

---

## 7. Yêu cầu về sử dụng, bảo quản

Hướng dẫn sử dụng

Tránh hít phải bụi/sương mù/hơi. Hệ thống thông thoáng hút yêu cầu được lắp đặt tại vị trí máy trong suốt quy trình và/hoặc gia công.

Phòng chống cháy nổ:

Lưu ý biện pháp phòng ngừa mạch tĩnh điện.

Hướng dẫn bảo quản

Cách ly với thức ăn của người và động vật

BASF Phiếu An toàn Hóa chất

Ngày / Đã được hiệu chỉnh: 13.04.2025

Phiên bản: 5.0

Sản phẩm: **ULTRADUR® B 4040 G6 BLACK Q29 15075 POLYBUTYLENE TEREPHTHALATE**

(30036585/SDS\_GEN\_VN/VI)

Ngày in: 22.10.2025

Những vật liệu thích hợp cho thùng chứa: Nhựa tổng hợp tỷ trọng thấp LDPE, Nhựa tổng hợp tỷ trọng cao HDPE, nhôm, thép cac-bon (sắt)

Thông tin bổ sung về điều kiện lưu trữ: Bảo quản vật chứa kín và khô; cất trữ nơi thoáng mát. Tránh sự hình thành bụi, bụi sản phẩm có thể tạo thành một hỗn hợp nổ với không khí.

Tính ổn định lưu trữ:

Chống ẩm.

## 8. Kiểm soát phơi nhiễm / yêu cầu về thiết bị bảo vệ cá nhân

### Thành phần của các thông số kiểm soát khu vực làm việc

Các giá trị giới hạn sẽ không đạt đến nếu sản phẩm được sử dụng đúng và có quá trình thông thoáng phù hợp.

### Thiết bị bảo hộ cá nhân

Bảo vệ hô hấp:

Thiết bị bảo vệ hô hấp nếu có thể hít phải các sol khí/bụi được hình thành. Mang thiết bị bảo vệ hô hấp nếu hệ thống thông thoáng không đầy đủ. (Bộ lọc hạt EN 143 P2)

Bảo vệ tay:

Sử dụng găng tay bảo vệ nhiệt khi xử lý các khối nóng chảy (EN 407), vd. dệt hay da.

Bảo vệ mắt:

Kính an toàn với chắn bảo vệ các cạnh (kính gọng) (vd. EN 166)

Bảo vệ toàn thân:

Bảo vệ cơ thể được chọn dựa vào hoạt động và khả năng phơi nhiễm, ví dụ tạp dề, ủng bảo vệ, quần áo chống hoá chất (theo EN 14605 trong trường hợp hoá chất văng hoặc EN ISO 13982 trong trường hợp bụi).

Tiêu chuẩn vệ sinh và an toàn chung:

Không cần thiết cảnh báo đặc biệt. Khi sử dụng, không ăn, uống hay hút thuốc. Nên rửa sạch tay và/hoặc mặt trước khi nghỉ ngơi và vào cuối ca. Sau khi tiếp xúc với sản phẩm, sử dụng các chất làm sạch tay và kem dưỡng da.

## 9. Đặc tính lý, hóa của hóa chất

|             |                              |
|-------------|------------------------------|
| Dạng:       | các hạt                      |
| Màu sắc:    | khác nhau, tùy vào thuốc màu |
| Mùi:        | không mùi                    |
| Ngưỡng mùi: | không áp dụng                |

|             |               |
|-------------|---------------|
| Giá trị pH: | không áp dụng |
|-------------|---------------|

|                   |                             |             |
|-------------------|-----------------------------|-------------|
| khoảng nóng chảy: | 220 - 230 °C<br>(1,013 hPa) | (DIN 53736) |
|-------------------|-----------------------------|-------------|

|             |  |
|-------------|--|
| Khoảng sôi: | Chất / sản phẩm phân hủy do đó<br>không được xác định. |
|-------------|--|

BASF Phiếu An toàn Hóa chất

Ngày / Đã được hiệu chỉnh: 13.04.2025

Phiên bản: 5.0

Sản phẩm: **ULTRADUR® B 4040 G6 BLACK Q29 15075 POLYBUTYLENE TEREPHTHALATE**

(30036585/SDS\_GEN\_VN/VI)

Ngày in: 22.10.2025

|   |  |   |
|---|--|---|
| Điểm thăng hoa:                               | Chưa có thông tin thực nghiệm.   |   |
| Điểm chớp cháy:                               | không áp dụng  |   |
| Tốc độ bay hơi:                               | Sản phẩm là chất rắn không bay hơi.  |   |
| Tính dễ cháy (chất rắn/Khí gas):              | không tự cháy  | (được bắt nguồn từ điểm chớp cháy)            |
| Giới hạn nổ dưới (LEL):                       | Không thích hợp đối với việc phân loại và dán nhãn đối với các chất rắn            |   |
| Giới hạn nổ trên (UEL):                       | Không thích hợp đối với việc phân loại và dán nhãn đối với các chất rắn            |   |
| Nhiệt độ tự cháy:                             | 350 °C   | (ASTM D1929)                                  |
| Phân huỷ do nhiệt:                            | > 290 °C<br>Có thể phân giải nhiệt trên nhiệt độ đã cho.                           | (TGA)   |
| Tự bắt cháy:                                  | không tự cháy  | Loại thí nghiệm: Tự bốc cháy ở nhiệt độ phòng |
| Khả năng tự gia nhiệt:                        | Đó không phải là chất có thể tự đun nóng theo các quy định vận chuyển UN loại 4.2. | (VDI 2263, từ 1, 1.4.1)                       |
| Nguy cơ nổ:                                   | không nổ   |   |
| Những đặc tính làm tăng cháy:                 | không cháy lan   |   |
| Áp suất hơi:                                  | không áp dụng  |   |
| Tỷ trọng:                                     | 1.3 - 1.8 g/cm <sup>3</sup><br>(20 °C, 1,013 hPa)                                  | (EN ISO 1183-1)                               |
| Tỷ trọng tương đối:                           | Không cần thiết tiến hành các nghiên cứu.  |   |
| Tỷ trọng thể tích/mật độ khối:                | 600 - 900 kg/m <sup>3</sup><br>(20 °C, 1,013 hPa)                                  | (DIN 53466)                                   |
| Tỷ trọng hơi (không khí):                     | không áp dụng  |   |
| Tính tan trong nước:                          | Không thể hạ tan<br>(20 °C, 1,013 hPa)   |   |
| Hệ số phân chia n-octanol/nước (biểu đồ Pow): | không áp dụng  |   |
| Tính nhót, động lực:                          | không áp dụng, sản phẩm là chất rắn.   |   |
| Tính nhót, động học:                          | không áp dụng, sản phẩm là chất rắn.   |   |

BASF Phiếu An toàn Hóa chất

Ngày / Đã được hiệu chỉnh: 13.04.2025

Phiên bản: 5.0

Sản phẩm: **ULTRADUR® B 4040 G6 BLACK Q29 15075 POLYBUTYLENE TEREPHTHALATE**

(30036585/SDS\_GEN\_VN/VI)

Ngày in: 22.10.2025

Đặc điểm của hạt

Phân bố kích thước hạt: có hình cầu -  
diện tích bề mặt riêng: 0.0 m<sup>2</sup>/g

(MSSA, ISO 9227)

---

## 10. Mức ổn định và phản ứng của hóa chất

Những điều kiện cần tránh:

Nhiệt độ: &gt; 290 °C

Xem MSDS phần 7 - Xử lý và cất trữ.

Phân hủy do nhiệt:

&gt; 290 °C (TGA)

Có thể phân giải nhiệt trên nhiệt độ đã cho.

Những chất cần tránh:

Không có chất nào cần phải tránh.

SỰ ăn mòn kim loại: Không ăn mòn kim loại

Những phản ứng nguy hiểm:

Không nhận biết phản ứng nguy hại.

Sản phẩm ổn định về mặt hoá học.

Các sản phẩm có thể phân hủy:

carbon monoxide, tetrahydrofuran, terephthalic acid, carbon dioxide, water

Các sản phẩm khí phân hủy có thể tỏa ra nếu sản phẩm quá nhiệt.

Tính ổn định hóa học:

Sản phẩm thích hợp nếu cất trữ và xử lý như được trình bày/ thể hiện.

Sản phẩm ổn định về mặt hoá học.

Khả năng phản ứng:

Phản ứng không nguy hại nếu được cất trữ và sử dụng theo chỉ dẫn/ quy định.

---

## 11. Thông tin về độc tính

### Các đường tiếp xúc

#### Đánh giá độ độc cấp tính

Tiếp xúc với sản phẩm nấu chảy có thể gây phỏng nhiệt.

#### Triệu chứng

Các triệu chứng và / hoặc các hiệu ứng khác vẫn chưa được biết đến

#### Kích ứng

Đánh giá tác động kích ứng:

BASF Phiếu An toàn Hóa chất

Ngày / Đã được hiệu chỉnh: 13.04.2025

Phiên bản: 5.0

Sản phẩm: **ULTRADUR® B 4040 G6 BLACK Q29 15075 POLYBUTYLENE TEREPHTHALATE**

(30036585/SDS\_GEN\_VN/VI)

Ngày in: 22.10.2025

Dựa trên kinh nghiệm của chúng tôi và thông tin đáng tin cậy, không có những tác động bất lợi cho sức khỏe nếu hoá chất được sử dụng tuân thủ những đề phòng phù hợp tương ứng những mục đích sử dụng rõ ràng.

Dữ liệu thực nghiệm/ tính toán:

Gây tổn thương/kích ứng mắt nghiêm trọng: Có thể gây kích ứng cơ học.

### **Dị ứng da/hô hấp**

Đánh giá tính nhạy cảm:

Dựa trên kinh nghiệm của chúng tôi và thông tin đáng tin cậy, không có những tác động bất lợi cho sức khỏe nếu hoá chất được sử dụng tuân thủ những đề phòng phù hợp tương ứng những mục đích sử dụng rõ ràng.

### **Gây đột biến tế bào**

Đánh giá khả năng gây đột biến:

Dựa trên kinh nghiệm của chúng tôi và thông tin đáng tin cậy, không có những tác động bất lợi cho sức khỏe nếu hoá chất được sử dụng tuân thủ những đề phòng phù hợp tương ứng những mục đích sử dụng rõ ràng.

### **Chất gây ung thư**

Đánh giá khả năng gây ung thư:

Dựa trên kinh nghiệm của chúng tôi và thông tin đáng tin cậy, không có những tác động bất lợi cho sức khỏe nếu hoá chất được sử dụng tuân thủ những đề phòng phù hợp tương ứng những mục đích sử dụng rõ ràng.

### **Độc đối với sinh sản**

Đánh giá độ độc đến sinh sản:

Dựa trên kinh nghiệm của chúng tôi và thông tin đáng tin cậy, không có những tác động bất lợi cho sức khỏe nếu hoá chất được sử dụng tuân thủ những đề phòng phù hợp tương ứng những mục đích sử dụng rõ ràng.

Thông tin trên: bis(2,2,6,6-tetramethyl-4-piperidyl)sebacate

Đánh giá độ độc đến sinh sản:

Những kết quả nghiên cứu trên động vật gợi ra tác dụng giảm khả năng sinh sản.

### **Độc tính gia tăng**

Đánh giá vấn đề quái thai:

Dựa trên kinh nghiệm của chúng tôi và thông tin đáng tin cậy, không có những tác động bất lợi cho sức khỏe nếu hoá chất được sử dụng tuân thủ những đề phòng phù hợp tương ứng những mục đích sử dụng rõ ràng.

### **Độ độc lên cơ quan đích đặc trưng (phơi nhiễm đơn)**

không áp dụng

### **Độ độc liều lượng lặp lại và cơ quan đích cụ thể (phơi nhiễm nhiều lần)**

BASF Phiếu An toàn Hóa chất

Ngày / Đã được hiệu chỉnh: 13.04.2025

Phiên bản: 5.0

Sản phẩm: **ULTRADUR® B 4040 G6 BLACK Q29 15075 POLYBUTYLENE TEREPHTHALATE**

(30036585/SDS\_GEN\_VN/VI)

Ngày in: 22.10.2025

Đánh giá độ độc liều lượng lặp:

Dựa trên kinh nghiệm của chúng tôi và thông tin đáng tin cậy, không có những tác động bất lợi cho sức khỏe nếu hoá chất được sử dụng tuân thủ những đề phòng phù hợp tương ứng những mục đích sử dụng rõ ràng.

### **Nguy cơ khi hít vào**

Không nhận thấy nguy cơ khi hít phải.

### **Thông tin độc tính liên quan khác**

Dựa trên kinh nghiệm của chúng tôi và thông tin đáng tin cậy, không có những tác động bất lợi cho sức khỏe nếu hoá chất được sử dụng tuân thủ những đề phòng phù hợp tương ứng những mục đích sử dụng rõ ràng.

---

## **12. Thông tin về sinh thái**

### **Độc sinh thái**

Đánh giá độ độc với môi trường thủy sinh:

Sản phẩm không được thí nghiệm. Công bố dựa trên cấu trúc của sản phẩm. Một khả năng cao là sản phẩm không gây nguy hại sâu đến sinh vật thủy sinh.

### **Đặc tính không ổn định**

Đánh giá giữa việc vận chuyển và dự luật môi trường:

Không có khả năng hấp thụ trong đất dạng rắn.

### **Tính bền và tính biến chất**

Đánh giá phân huỷ sinh học và tính khử ( $H_2O$ ):

Sản phẩm gần như không thể hòa tan trong nước và do đó có thể tách khỏi nước bằng cơ học trong các nhà máy xử lý nước thải thích hợp.

Thông tin bị đào thải:

Phân huỷ sinh học kém.

Đánh giá tính ổn định trong nước:

Dựa vào thuộc tính cấu trúc, sự thủy phân không chắc chắn xảy ra.

### **Khả năng tích lũy sinh học**

Đánh giá khả năng phân huỷ sinh học:

Không tích tụ đáng kể trong các cơ quan.

Khả năng tích lũy sinh học:

Sản phẩm không có tính khả dụng sinh học do độ ổn định và tính không thể hòa tan trong nước của nó.

### **Những tác động bất lợi khác**



BASF Phiếu An toàn Hóa chất

Ngày / Đã được hiệu chỉnh: 13.04.2025

Phiên bản: 5.0

Sản phẩm: **ULTRADUR® B 4040 G6 BLACK Q29 15075 POLYBUTYLENE TEREPHTHALATE**

(30036585/SDS\_GEN\_VN/VI)

Ngày in: 22.10.2025

Halogen mạch vòng hữu cơ có khả năng hấp phụ (AOX):

Sản phẩm này không có chứa halogen liên kết hữu cơ.

**Thông tin bổ sung**

Những lời khuyên về độc chất sinh thái khác:

Sản phẩm là một hợp chất polyme.

**13. Thông tin về thải bỏ**

Thông tin quy định tiêu hủy: Phải tuân thủ các quy định về chất thải nguy hiểm như:

- Luật số 72/2020/QH14 của Quốc hội : Luật Bảo Vệ Môi Trường.

- Nghị định số 08/2022/NĐ-CP của Chính phủ : Quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

- Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT của Bộ Tài nguyên và Môi trường : Quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

Kiểm tra nếu có thể tái sinh

Đốt trong các nhà máy đốt chất thải đạt chuẩn, tuân thủ quy định của chính quyền địa phương.

Bao bì nhiễm bẩn hoá chất:

Các hộp chứa phải được trút sạch hoàn toàn.

Bao bì làm sạch hoàn toàn có thể tái sinh

**14. Thông tin khi vận chuyển****Vận chuyển nội địa:**

|   |  |
|---|--|
|   | Không được phân loại như là hàng hoá nguy hiểm theo những qui định vận tải |
| Số UN hoặc số ID                            | Không áp dụng  |
| Tên vận chuyển thích hợp của Liên Hợp Quốc: | Không áp dụng  |
| Lớp nguy hiểm trong vận chuyển:             | Không áp dụng  |
| Nhóm đóng gói:                              | Không áp dụng  |
| Mối nguy hiểm về môi trường:                | Không áp dụng  |
| Phòng ngừa đặc biệt cho người dùng          | Chưa có thông tin  |

**Vận tải đường thủy**

IMDG

Không được phân loại như là hàng hoá nguy hiểm theo những qui định vận tải

Số UN hoặc số ID: Không áp dụng

Tên vận chuyển thích hợp của Liên Hợp Quốc:

**Sea transport**

IMDG

Not classified as a dangerous good under transport regulations

UN number or ID number: Not applicable

UN proper shipping name: Not applicable

BASF Phiếu An toàn Hóa chất

Ngày / Đã được hiệu chỉnh: 13.04.2025

Phiên bản: 5.0

Sản phẩm: **ULTRADUR® B 4040 G6 BLACK Q29 15075 POLYBUTYLENE TEREPHTHALATE**

(30036585/SDS\_GEN\_VN/VI)

Ngày in: 22.10.2025

|                                    |                         |                              |                      |
|------------------------------------|-------------------------|------------------------------|----------------------|
| Lớp nguy hiểm trong vận chuyển:    | Không áp dụng           | Transport hazard class(es):  | Not applicable       |
| Nhóm đóng gói:                     | Không áp dụng           | Packing group:               | Not applicable       |
| Mối nguy hiểm về môi trường:       | Không áp dụng           | Environmental hazards:       | Not applicable       |
|                                    | Ô nhiễm hàng hải: không |                              | Marine pollutant: no |
| Phòng ngừa đặc biệt cho người dùng | Chưa có thông tin       | Special precautions for user | None known           |

**Vận tải hàng không**

IATA/ICAO

Không được phân loại như là hàng hoá nguy hiểm theo những quy định vận tải

Số UN hoặc số ID: Không áp dụng

Tên vận chuyển thích hợp của Liên Hợp Quốc:

Lớp nguy hiểm trong vận chuyển: Không áp dụng

Nhóm đóng gói: Không áp dụng

Mối nguy hiểm về môi trường: Không áp dụng

Phòng ngừa đặc biệt cho người dùng Chưa có thông tin

**Air transport**

IATA/ICAO

Not classified as a dangerous good under transport regulations

UN number or ID number: Not applicable

UN proper shipping name: Not applicable

Transport hazard class(es): Not applicable

Packing group: Not applicable

Environmental hazards: Not applicable

Special precautions for user None known

**Vận tải biển số lượng lớn theo quy định của IMO**

Không được vận chuyển đường biển số lượng lớn mà chưa dự kiến.

**Maritime transport in bulk according to IMO instruments**

Maritime transport in bulk is not intended.

**15. Thông tin về pháp luật****Những quy định khác**

Phiếu An toàn hóa chất (SDS) được biên soạn theo các quy định quốc tế về phân loại và ghi nhãn hóa chất (GHS) cũng như các quy định pháp luật hiện hành có liên quan:

- Luật Hóa chất số 06/2007/QH12 ngày 21/11/2007.

- Nghị định số 113/2017/NĐ-CP ngày 09/10/2017 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất.

- Nghị định số 82/2022/NĐ-CP ngày 18 tháng 10 năm 2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 113/2017/NĐ-CP ngày 09 tháng 10 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất.

- Thông tư số 17/2022/TT-BCT ngày 27/10/2022 của Bộ Công Thương sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 32/2017/TT-BCT ngày 28 tháng 12 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy

---

BASF Phiếu An toàn Hóa chất

Ngày / Đã được hiệu chỉnh: 13.04.2025

Phiên bản: 5.0

Sản phẩm: **ULTRADUR® B 4040 G6 BLACK Q29 15075 POLYBUTYLENE TEREPHTHALATE**

(30036585/SDS\_GEN\_VN/VI)

Ngày in: 22.10.2025

---

định cụ thể và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất và Nghị định số 113/2017/NĐ-CP ngày 09 tháng 10 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất.

- Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05/02/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến điều kiện kinh doanh thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Công Thương.

- Nghị định số 34/2024/ND-CP ngày 31/03/2024 của Chính phủ Quy định Danh mục hàng hóa nguy hiểm, vận chuyển hàng hóa nguy hiểm bằng phương tiện giao thông cơ giới đường bộ và vận chuyển hàng hóa nguy hiểm trên đường thủy nội địa.

- Thông tư số 32/2017/TT-BCT ngày 28/12/2017 của Bộ Công Thương quy định cụ thể và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất và Nghị định số 113/2017/NĐ-CP ngày 09/10/2017 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất.

- Thông tư số 37/2020/TT-BCT ngày 30/11/2020 của Bộ Công Thương quy định danh mục hàng hóa nguy hiểm phải đóng gói trong quá trình vận chuyển và vận chuyển hàng hóa nguy hiểm bằng phương tiện giao thông cơ giới đường bộ, đường sắt và đường thủy nội địa.

- Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia QCVN 05A:2020/BCT về an toàn trong sản xuất, kinh doanh, sử dụng bảo quản, vận chuyển hóa chất nguy hiểm và các quy định pháp luật liên quan đến lĩnh vực hóa chất có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp.

- Nghị định số 33/2024/ND-CP ngày 27/03/2024 của Chính phủ Quy định việc thực hiện công ước cấm phát triển, sản xuất, tàng trữ, sử dụng và phá hủy vũ khí hóa học

---

## **16. Các thông tin cần thiết khác, bao gồm các thông tin khi xây dựng và hiệu đính Phiếu an toàn hóa chất**

---

Những hàng trắng bên lề trái cho biết một số hiệu chỉnh so với phiên bản trước đó.

Những thông tin trong phiếu an toàn hoá chất này được biên soạn dựa trên các kiến thức hợp lệ và mới nhất về hoá chất nguy hiểm và phải được sử dụng để thực hiện các biện pháp ngăn ngừa rủi ro, tai nạn. Phiếu An toàn hóa chất chỉ mô tả sản phẩm liên quan đến những yêu cầu an toàn. Dữ liệu không mô tả thuộc tính của sản phẩm (chi tiết kỹ thuật). Người sử dụng sản phẩm chịu trách nhiệm về các quyền sở hữu, các quy định pháp luật hiện hành có liên quan.